

Số: 115/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thiếu Liên

2. Bà Võ Phương Trang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1534/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 452/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Tú Q, sinh năm: 1987.

Thường trú: ấp Suối R, xã Long G, huyện Cẩm M, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: số 520/3/9A Hương Lộ 2, khu phố 6, phường Bình Trị Đ, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đào Duy Đ, sinh năm: 1984.

Thường trú: Thôn Vĩnh Trinh, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ tạm trú: 276/33 đường Mã L, khu phố 6, phường Bình Trị Đ, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của bà Phạm Tú Q và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Phạm Tú Q trình bày: bà và ông Đào Duy Đ sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17/2016 do Ủy ban nhân dân xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/03/2016.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân đôi bên không hòa hợp với nhau, cách suy nghĩ khác nhau, bất đồng quan điểm, ngoài ra ông Đ còn hay ăn nhậu say xỉn, chơi cờ bạc và đánh đập bà nhiều lần bị thương tật. Dù bà đã cố gắng hòa giải và bỏ qua nhiều lần nhưng ông Đ vẫn chứng nào tật nấy và hay tìm kiếm chặn đường để đánh bà. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phạm Tú Q yêu cầu được ly hôn với ông Đào Duy Đ.

- Về con chung: hai bên có 01 con chung là Đào Ngọc Nhã M, sinh ngày: 08/10/2016 bà Q yêu cầu giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng.

- Tài sản chung: Bà khai nhận hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà xác định không có.

Bị đơn ông Đào Duy Đ trình bày: ông xác nhận những lời khai của bà Phạm Tú Q về thời gian quen biết, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn hoàn toàn là đúng sự thật và không bổ sung gì thêm.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: ông Đào Duy Đ cho rằng trong quá trình chung sống đôi bên hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bà Q không chung thủy với ông. Nay đối với yêu cầu ly hôn của bà Q thì ông không đồng ý. Nguyên vọng của ông là yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ gia đình để con có cha mẹ.

- Về con chung: có 01 chung tên Đào Ngọc Nhã M, sinh ngày: 08/10/2016 con chung hiện nay đang sống cùng ông Đ. Nếu xét xử tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q thì ông Đ yêu cầu được nuôi con.

- Về cấp dưỡng: ông yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng.

- Về tài sản chung: ông khai nhận vợ chồng có tài sản chung là 02 chiếc xe máy (một chiếc xe trị giá 20 triệu đồng và 01 chiếc xe trị giá 40 triệu đồng), 100 triệu đồng tiền gửi ngân hàng và vàng vòng có giá trị khoảng 100 triệu đồng. Ông yêu cầu tòa án chia tài sản chung cho ông 01 chiếc xe trị giá 20 triệu đồng và số tiền 100 triệu đồng.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: Ông xác định không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: bà Phạm Tú Q có đơn xin xét xử vắng mặt, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trong đơn khởi kiện và tại các phiên hòa giải.

Bị đơn: ông Đào Duy Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu ông có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà Q nhưng ông vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu: Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán thụ lý giải quyết hồ sơ vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2016 ngày 21/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của bà Q và ông Đ là hợp pháp. Bà Q trình bày quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng không hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp, thường hay cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Ngoài ra ông Đ thường hay uống rượu, cờ bạc và có hành vi hành hung bà. Ông Đ khai nhận nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do bà Q không chung thủy với ông. Ông Đ không đồng ý ly hôn, yêu cầu tòa án hòa giải đoàn tụ gia đình vì con chung cần có cha mẹ. Mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng bà Q vẫn kiên quyết xin ly hôn, ông Đ không đồng ý, xin được đoàn tụ gia đình nhưng không đưa ra được phương án thuyết phục bà Q đồng ý, vì vậy có cơ sở xác định bà Q không hạnh phúc trong hôn nhân, không còn tình cảm với ông Đ. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu xin ly hôn của bà Q là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: có 01 con chung tên Đào Ngọc Nhã M sinh năm 2016 hiện đang sống với ông Đ. Bà Q và ông Đ thống nhất giao con chung cho ông Đ nuôi dưỡng. Bà Q cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo luật định. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, sự thỏa thuận của các bên về con chung là phù hợp luật định, có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Bị đơn yêu cầu chia tài sản chung nhưng không có đơn yêu cầu phản tố và không nộp tạm ứng án phí nên không có cơ sở để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Bà Phạm Tú Q có đơn yêu cầu ly hôn với ông Đào Duy Đ, ông Đ hiện đang cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Q là phù hợp theo quy định của pháp luật. Ông Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu ông có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành xét xử, giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà Q nhưng ông vắng mặt không rõ lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Q và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2016 ngày 21/03/2016 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Phạm Tú Q Hội đồng xét xử nhận thấy: bà Q và ông Đào Duy Đ chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân đôi bên không hòa hợp với nhau, cách suy nghĩ khác nhau, bất đồng quan điểm, ngoài ra ông Đ còn hay ăn nhậu say xỉn, chơi cờ bạc và đánh đập bà nhiều lần bị thương tật. Dù bà đã cố gắng hòa giải và bỏ qua nhiều lần nhưng ông Đ vẫn chứng nào tật nấy và hay tìm kiếm chận đường để đánh bà. Ông Đ khai nhận nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do bà Q không chung thủy với ông. Ông Đ không đồng ý ly hôn, yêu cầu tòa án hòa giải đoàn tụ gia đình vì con chung cần có cha mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã có Biên bản xác minh ngày 02/11/2022 về tình trạng hôn nhân của bà Q và ông Đ tại địa phương và được biết “Ông Đào Duy Đ và bà Phạm Tú Q có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, đánh nhau. Hiện bà Q đã dọn đi khỏi nhà từ tháng 10 năm 2021”.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 vợ chồng phải “*có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”, Hội đồng xét xử nhận thấy hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình thương yêu của cả vợ và chồng, đôi bên phải thật sự tin tưởng, yêu thương, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chăm lo hạnh phúc gia đình đó vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của vợ chồng. Bà Q đã không còn tha thiết chung sống với ông Đ, hiện nay cả hai đã sống ly thân. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải, tác động đề đôi bên được hàn gắn, đoàn tụ nhưng bà Q vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Đ. Ông Đ tuy có yêu cầu tòa án đoàn tụ gia đình nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa, cũng không đưa ra phương án giải quyết mâu thuẫn, duy trì tình cảm vợ chồng điều này cũng thể hiện ông không có thiện

chí muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Từ đó nhận thấy tình cảm vợ chồng của bà Q và ông Đ đã thật sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ gia đình là không có. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Q là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* tại phiên tòa, bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu giao con chung tên Đào Ngọc Nhã M, sinh ngày: 08/10/2016 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Đ xác định vợ chồng có 01 chung tên Đào Ngọc Nhã M, sinh ngày: 08/10/2016 con chung hiện nay đang sống cùng ông Đ. Nếu xét xử tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q thì ông Đ yêu cầu được nuôi con. Về cấp dưỡng: ông yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của bà Q phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình, vì việc nuôi dưỡng, chăm sóc con là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ nhưng phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện nay trẻ Đào Ngọc Nhã M đang sống ổn định bên ông Đ, trẻ được đảm bảo phát triển tốt mọi mặt về thể lực, trí lực, không nên thay đổi làm xáo trộn cuộc sống của trẻ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cũng như sự phát triển của trẻ và để hạn chế được phần nào về sự ảnh hưởng tâm sinh lý của trẻ nên việc giao con chung Đào Ngọc Nhã M cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng khi bà Q và ông Đ ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng Hội đồng xét xử xét thấy tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”*.

Xét về nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung thì cả cha và mẹ đều phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung nên ông Đ yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng và bà Q cũng đồng ý với mức cấp dưỡng này do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông Đ, bà Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Đào Ngọc Nhã M, sinh ngày: 08/10/2016 số tiền 1.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 03 năm 2023 cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[2.3] *Về tài sản chung*

Bà Q khai nhận hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ông Đ khai nhận vợ chồng có tài sản chung là 02 chiếc xe máy (một chiếc xe trị giá 20 triệu đồng và 01 chiếc xe trị giá 40 triệu đồng), 100 triệu đồng tiền gửi ngân hàng và vàng vòng có giá trị khoảng 100 triệu đồng. Ông yêu cầu tòa án chia tài sản chung cho ông 01 chiếc xe trị giá 20 triệu đồng và số tiền 100 triệu đồng.

Căn cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy ông Đ yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, Tòa án đã yêu cầu ông cung cấp tài liệu chứng cứ và đơn yêu cầu chia tài sản chung cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo để Tòa có cơ sở xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, đã hết thời hạn yêu cầu cung cấp chứng cứ mà ông Đ không nộp cho Tòa án đơn yêu cầu chia tài sản chung và các tài liệu chứng cứ kèm theo, vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án không có cơ sở để thụ lý giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của ông Đ. Ông Đ có quyền khởi kiện bà Q để yêu cầu chia tài sản chung trong một vụ án dân sự khác.

[2.4] Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: bà Q và ông Đ xác định không có nên không xem xét.

[3]. Về quan điểm giải quyết vụ án của kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận nên bà Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227, 228, 238, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, văn bản hợp nhất số 32/VBHN-VPQH ngày 07 tháng 12 năm 2020

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Tú Q về việc xin ly hôn với ông Đào Duy Đ.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Tú Q được ly hôn với ông Đào Duy Đ. Giấy chứng nhận kết hôn số 86, quyển số 17/2016 do Ủy ban nhân dân xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/03/2016 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: giao 01 con chung tên Đào Ngọc Nhã M, sinh ngày: 08/10/2016 cho ông Đào Duy Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Đào Ngọc Nhã

M, sinh ngày: 08/10/2016 số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 dương lịch hằng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 03 năm 2023 cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật

Đôi bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không được trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung:

Bà Q khai nhận đôi bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ông Đ yêu cầu Tòa án chia tài sản chung nhưng ông Đ không nộp cho Tòa án đơn yêu cầu chia tài sản chung và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Do đó, Tòa án không có cơ sở để thụ lý giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của ông Đ. Ông Đ có quyền khởi kiện bà Q để yêu cầu chia tài sản chung trong một vụ án dân sự khác.

1.4 Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà Q và ông Đ xác định không có nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: bà Phạm Tú Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Q đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/009675 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Tú Q đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- CCTHADS Q.Bình Tân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP - HS (Mai).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Phước

